

Số: /QĐ-BNN-VP

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2022

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ - Tổ trưởng Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, VP (TIN).

BỘ TRƯỞNG

Lê Minh Hoan

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2022

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-VP ngày tháng 12 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Khởi động Chương trình chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tạo sự thay đổi từ nhận thức đến hành động về chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị thuộc ngành và tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp.

b) Đề ra định hướng, phương án, lộ trình triển khai chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 làm cơ sở xây dựng kế hoạch hàng năm và tổ chức triển khai thực hiện chuyển đổi số thống nhất, hiệu quả.

2. Yêu cầu

a) Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, chỉ số cơ bản, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

b) Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số và chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2022. Lựa chọn ít nhất từ 1 - 2 nội dung/hoạt động chuyển đổi số trong từng lĩnh vực chuyên ngành để triển khai trong năm 2022 (trong đó, lựa chọn một số nội dung ưu tiên thuộc lĩnh vực chuyên ngành trồng trọt, chăn nuôi để thực hiện trước).

c) Xác định rõ lộ trình, thời gian hoàn thành, trách nhiệm thực hiện và đôn đốc, giám sát đối với các cơ quan, đơn vị đảm bảo hoàn thành Kế hoạch chuyển đổi số Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2022 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2022).

II. MỤC TIÊU

1. 100% dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 4 được xác thực một lần; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt

70%; tích hợp 50% các dịch vụ công trực tuyến với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

2. Hoàn thành số hóa cập nhật dữ liệu tối thiểu 60% kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ (không bao gồm nội dung mật) được ký số, gửi qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, chia sẻ với Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia.

4. 80% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

5. Bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp, 100% máy chủ, máy trạm của Bộ được triển khai giải pháp phòng chống mã độc; hoàn thành xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin; Xây dựng kịch bản, phương án ứng cứu sự cố mất an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng của Bộ; tổ chức từ 1- 2 cuộc diễn tập ứng phó với sự cố gây mất an toàn thông tin; 100% hệ thống thông tin được giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

6. 80% cán bộ, công chức, viên chức của Bộ được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số; trong đó 10% được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên sâu kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.

7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc nhóm 10 bộ, ngành dẫn đầu về chuyển đổi số theo Bộ Chỉ số chuyển đổi số cấp Bộ (DTI) năm 2022.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Xây dựng và phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

1.1. Chuyển đổi nhận thức

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về chuyển đổi số, các mô hình chuyển đổi số đi tiên phong, có hiệu quả cao của tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp trên các phương tiện của ngành và truyền thông đại chúng, nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, người nông dân về chuyển đổi số.

- Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về chuyển đổi số trên các báo, tạp chí của ngành.

- Tổ chức các hội nghị triển khai kế hoạch, đề án, chương trình chuyển đổi số; hội nghị tập huấn về kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ; tổ chức diễn đàn “Ngày chuyển đổi số trong nông nghiệp 19/8”.

- Tổ chức các hoạt động tuyên dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện chuyển đổi số của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.2. Kiến tạo thể chế

- Ban hành các đề án, kế hoạch, chương trình hành động triển khai thực hiện chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với từng lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong quá trình chuyển đổi số.

1.3. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số

- Kết hợp mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng diện rộng, các mạng nội bộ thành một hạ tầng mạng khép kín, dự phòng lẫn nhau dần giảm phụ thuộc vào Internet đối với truy nhập nội bộ.

- Ban hành kế hoạch chuyển đổi IPv6 cho hệ thống thông tin của Bộ giai đoạn 2021-2025, từng bước triển khai chuyển sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6) trên toàn bộ hạ tầng mạng của Bộ.

- Xây dựng hệ thống giám sát an toàn an ninh mạng (SOC) để giám sát, điều hành tập trung các hoạt động về an toàn thông tin, thực hiện thu thập và xử lý thông tin từ các hệ thống thông tin chuyên ngành, phục vụ công tác phân tích, xử lý dữ liệu, phát hiện các thông tin xấu độc trên môi trường mạng để kịp thời phòng, chống các mối đe dọa trên không gian mạng của Bộ phục vụ hoạt động chuyển đổi số được an toàn, thông suốt.

- Triển khai xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ; Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ (LGSP), sẵn sàng kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP).

1.4. Phát triển nền tảng dữ liệu số

a) Hình thành nền tảng dữ liệu số nông nghiệp phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Bộ, ngành ở Trung ương và địa phương, phát triển thương mại điện tử, dịch vụ nông nghiệp số,... Trước mắt, ưu tiên các nội dung sau:

- Lĩnh vực Trồng trọt: Xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ cấp và quản lý mã số vùng trồng. Ban hành hướng dẫn cấp, quản lý mã số vùng trồng. Số hóa quy trình cấp để triển khai cấp mã số vùng trồng trực tuyến (online).

- Lĩnh vực Chăn nuôi: xây dựng cơ sở dữ liệu về thức ăn chăn nuôi và cơ sở chăn nuôi.

- Lĩnh vực Thủy sản: Xây dựng bộ Cơ sở dữ liệu địa lý (GeoDatabase), cơ sở dữ liệu quản lý vùng nuôi trồng thủy sản.

- Lĩnh vực Lâm nghiệp: Xây dựng cơ sở dữ liệu rừng ven biển, tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành Lâm nghiệp.

- Lĩnh vực Chế biến và Phát triển thị trường nông, lâm, thủy sản: Xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ điều hành cung cầu nông sản, dự báo thông tin thị trường xuất khẩu các nông sản chủ lực.

- Lĩnh vực Quản lý Xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở dữ liệu các dự án đầu tư xây dựng công trình (thủy lợi) phục vụ giám sát thi công.

- Lĩnh vực Quản lý chất lượng, nông lâm sản và thủy sản: Xây dựng cơ sở dữ liệu chế biến, kinh doanh, quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản.

b) Phối hợp với các Bộ, ngành triển khai kết nối, liên thông các nền tảng dữ liệu số thông qua các hệ thống, nền tảng chia sẻ, tích hợp của Bộ (LGSP), của quốc gia (VDXP, NGSP).

1.5. Bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Xây dựng quy chế và triển khai áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn hiện hành vào hoạt động của Bộ.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ về an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin đang vận hành.

- Tổ chức diễn tập về bảo đảm an toàn thông tin cho các đơn vị thuộc Bộ.

- Đảm bảo khả năng sao lưu dự phòng, khôi phục dữ liệu quan trọng của Bộ tối thiểu trong 3 năm.

- Hoàn thành và duy trì công tác triển khai bảo đảm an toàn thông tin của Bộ theo mô hình 04 lớp.

2. Phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý văn bản điều hành; hệ thống thông tin báo cáo của Bộ để kết nối, truyền dữ liệu đến hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

- Hoàn thiện, tích hợp Cổng dịch vụ công vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ, triển khai đến tất cả các đơn vị có thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính, liên thông với Hệ thống hải quan một cửa quốc gia và Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Xây dựng Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) các đơn vị thuộc Bộ.

- Triển khai số hóa, tài liệu lưu trữ của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ.

- Hoàn thiện việc chuyển đổi số trong công tác theo dõi đánh giá kế hoạch ngành và theo dõi đánh giá đầu tư công của Bộ, 100% các đơn vị báo cáo trực tuyến qua hệ thống CSDL.

3. Phát triển kinh tế số nông nghiệp

- Xây dựng thí điểm từ 02 đến 03 mô hình mẫu về sản xuất, kết nối nông nghiệp thông minh có quy mô vùng, công nghiệp; mô hình “Làng chuyển đổi số, xã chuyển đổi số”.

- Tạo điều kiện, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ, tăng cường nghiên cứu các công nghệ số, phát triển các nền tảng số, hoạt động dữ liệu số, tạo ra các dịch vụ nội dung số về nông nghiệp và phát triển nông thôn phục vụ xã hội, phát triển nền kinh tế số.

- Đẩy mạnh các hoạt động kết nối sản xuất với tiêu thụ nông sản, phát triển ngành nghề, dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn trên nền tảng trực tuyến (Diễn đàn kết nối nông sản 970) và trên cơ sở dữ liệu cung cầu của các Tổ công tác của Ban chỉ đạo Phát triển thị trường nông sản, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, các hiệp hội, ngành hàng, doanh nghiệp, các Bộ, ngành và địa phương.

4. Phát triển nông dân số, nông thôn số

- Phối hợp với các Bộ, ngành triển khai chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho các doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, nông dân.

- Xây dựng chương trình khung đào tạo về công nghệ số, chuyển đổi số cho hệ thống các trường đào tạo thuộc Bộ.

- Xây dựng các Câu lạc bộ cộng đồng “Kết nối chuyển đổi số”.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số năm 2022 được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ triển khai thực hiện Kế hoạch này; cho ý kiến chỉ đạo đối với Kế hoạch công tác, kế hoạch kiểm tra của Ban Chỉ đạo năm 2022; Đề án Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Chỉ đạo, điều phối hoạt động trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; chỉ đạo xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện Kế hoạch này.

- Tổ chức các đoàn khảo sát các mô hình chuyển đổi số có hiệu quả trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản.

2. Văn phòng Bộ (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo)

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện;

theo dõi, đôn đốc tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo những khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tham mưu triển khai các nhiệm vụ cụ thể được phân công trong Kế hoạch này.

- Định kỳ hàng quý tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch.

3. Vụ Hợp tác quốc tế

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị có liên quan vận động các tổ chức quốc tế hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

4. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ tham mưu cân đối nguồn kinh phí ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

5. Trung tâm Tin học và Thống kê

Đề xuất các giải pháp bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng chuyển đổi số; chủ động thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn an ninh mạng, hoạt động ứng cứu, xử lý sự cố.

6. Các đơn vị thuộc Bộ

- Thủ trưởng đơn vị căn cứ vào Kế hoạch này cụ thể hóa các nhiệm vụ, tổ chức triển khai thực hiện; bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng; báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ về Văn phòng Bộ **trước ngày 15 tháng cuối cùng của quý**.

- Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Bộ và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRIỂN KHAI CHUYÊN ĐỔI SỐ CỦA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-VP ngày tháng 12 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Xây dựng, phát triển nền tảng cho Chuyển đổi số			
1	Chuyển đổi nhận thức			
1.1	Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2022.	Ban Chỉ đạo CDS	Các đơn vị thuộc Bộ	Tháng 01
1.2	Xây dựng chuyên mục Chuyển đổi số trên Website của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, qua đó tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân về chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Thường xuyên
1.3	Tổ chức Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số; kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ.	Vụ Tổ Chức cán bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Thường xuyên
1.4	Tổ chức Ngày Chuyển đổi số trong nông nghiệp 19/8.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý III
2	Hoàn thiện thể chế			
2.1	Xây dựng Đề án Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022 - 2025 định hướng năm 2030.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý III
2.2	Xây dựng Đề án ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác thú y giai đoạn 2022 - 2025	Cục Thú y	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý IV
2.3	Xây dựng Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2022-2025.	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới TW	Các cơ quan, địa phương liên quan	Quý I

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
2.4	Xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Đề án chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022 - 2025 định hướng năm 2030.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Sau khi Đề án Đề án Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022 - 2025 định hướng năm 2030 được phê duyệt
2.5	Rà soát hiện trạng, lập danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Trung tâm Tin học và Thống kê	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý I
2.6	Rà soát, lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn từng lĩnh vực cần bổ sung, sửa đổi.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý II
3	Phát triển hạ tầng số, nền tảng số			
3.1	Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của Bộ (Theo dự án được phê duyệt).	Trung tâm Tin học và Thống kê	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý IV
3.2	Xây dựng nền tảng tích hợp, kết nối liên thông dữ liệu của Bộ (LGSP).	Trung tâm Tin học và Thống kê	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý IV
4	Phát triển nền tảng dữ liệu số			
4.1	Xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ cấp và quản lý mã số vùng trồng. Ban hành hướng dẫn cấp, quản lý mã số vùng trồng. Số hóa quy trình cấp đề triển khai cấp mã số vùng trồng trực tuyến (online).	Cục trồng trọt	Các cơ quan, địa phương liên quan	Quý I
4.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu về thức ăn chăn nuôi và cơ sở chăn nuôi.	Cục Chăn nuôi	Các cơ quan, địa phương liên quan	Tháng 02
4.3	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu các đề tài, sản phẩm khoa học công nghệ.	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý IV

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
4.4	Xây dựng ứng dụng thuốc bảo vệ thực vật trên điện thoại thông minh.	Cục Bảo vệ thực vật	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý IV
4.5	Xây dựng ứng dụng nhận diện sinh vật gây hại lúa và biện pháp phòng trừ trên điện thoại thông minh.	Cục Bảo vệ thực vật	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý IV
4.6	Giám sát thi công các dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi.	Cục Quản lý Xây dựng công trình	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý IV
4.7	Truy xuất nguồn gốc nông sản cho hợp tác xã và trang trại.	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý IV
4.8	Duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.	Vụ Pháp Chế	Các đơn vị thuộc Bộ	Thường xuyên
4.9	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý (GeoDatabase) quản lý nuôi tôm nước lợ (thí điểm cho quy mô một huyện).	Tổng cục Thủy sản	Các cơ quan, địa phương liên quan	Quý IV
4.10	Xây dựng mã số vùng nuôi thủy sản (thí điểm tại một huyện nuôi tôm nước lợ).			
4.11	Xây dựng cơ sở dữ liệu rừng ven biển và tích hợp vào hệ thống thông tin quản lý ngành Lâm nghiệp.	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, địa phương liên quan	Quý IV
4.12	Xây dựng hệ thống phần mềm dữ liệu điều hành cung cầu nông sản.	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	Các cơ quan, địa phương liên quan	Quý IV
4.13	Thu thập, xử lý và đưa ra phân tích dự báo thông tin thị trường xuất khẩu các nông sản chủ lực Việt Nam.			
4.14	Triển khai kết nối, liên thông các nền tảng dữ liệu số của các Bộ, ngành xây dựng thông qua nền tảng chia sẻ, tích hợp của Bộ (LGSP), của quốc gia (VDXP, NGSP).	Trung tâm Tin học và Thống kê	Các đơn vị thuộc Bộ	Thường xuyên
5	Bảo đảm an toàn thông tin mạng			

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
5.1	Xây dựng Hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC).	Trung tâm Tin học và Thống kê	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý IV
II	Phát triển Chính phủ Điện tử			
1	Xây dựng Hệ thống thông tin Một cửa điện tử của Bộ.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý I
2	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý I
3	Xây dựng Hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử của Bộ.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý IV
4	Xây dựng Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số các đơn vị thuộc Bộ.	Trung tâm Tin học và Thống kê	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý I
III	Phát triển Kinh tế nông nghiệp số			
1	Xây dựng các mô hình sản xuất, kết nối nông nghiệp thông minh có quy mô vùng, công nghiệp.	Các Tổng cục, Cục	Các đơn vị thuộc Bộ	Thường xuyên
2	Triển khai hệ thống bảo đảm ATTP và truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản	Cục Quản lý chất lượng, nông lâm sản và thủy sản	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý I
3	Triển khai mô hình “Làng chuyển đổi số, xã chuyển đổi số”, trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là gắn kết phát triển thương mại điện tử với Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới TW	Các Bộ, ngành, địa phương	Quý IV
IV	Phát triển nông thôn số, nông dân số			
1	Phối hợp với các Bộ, ngành triển khai chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho các doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, nông dân.	Văn phòng Bộ	Các Bộ, ngành	Quý III
2	Xây dựng chương trình khung đào tạo về công nghệ số, chuyển đổi số cho hệ thống các trường thuộc Bộ.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý IV
3	Xây dựng các Câu lạc bộ cộng đồng “Kết nối chuyển đổi số”, trong đó nòng cốt là các thành viên hợp tác xã nông nghiệp.	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Các đơn vị thuộc Bộ	Thường xuyên